TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST
Ngày: 23/04/2021
V/v tranh chấp nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Minh Trí**

2. Bà **Lý Thị Đào**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Hoàng Văn Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp nợ hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 37/2021/QĐST- DS ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông S.D.D.V.T, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp CG 1, xã T.D, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Tr.T.H, sinh năm 1980. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tr. M.T. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Ph C, xã TĐ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông S.D.D.V.T trình bày: Từ ngày 16/6/2020 đến ngày 19/12/2020, ông T có tham gia chơi hụi của bà H(Xíu Nái) làm chủ hụi, ông tham gia 35 chân và đã góp hụi với tổng số tiền góp hụi là 313.950.000 đồng. Từ ngày 19/11/2020 ông T hốt hụi đến ngày 18/12/2020 bà Htrả tiền hụi cho ông được 137.100.000 đồng, còn lại số tiền 176.850.000 đồng bà Hvẫn chưa trả

cho ông. Đến ngày 20/12/2020 tại Ban nhân dân ấp Phônôcambốth bà Hlàm tờ cam kết trả nợ và biên nhận xác nhận còn nợ ông T số tiền nêu trên, hứa trả nợ cho ông T nhưng không thực hiện. Đến ngày 01/3/2021 thì bà Hcó trả cho ông được 3.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 173.850.000 đồng.

Nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tr.T.H trả cho ông số tiền nợ hụi còn thiếu 173.850.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu chứng cứ ông S.D.D.V.T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là tờ thoả thuận trả nợ và nhận nợ ngày 06/02/2021 do bà Tr.T.H tự viết có xác nhận của Trưởng Ban nhân dân ấp Phônôcambôth, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với bị đơn Tr.T.H: Vào ngày 16/6/2020, ông T có tham gia chơi hụi của bà Hlàm chủ hụi, ông T tham gia 30 chân hụi với số tiền 230.580.000 đồng. Sau đó ông T chơi hụi thêm 5 chân, tổng cộng là 35 chân. Vào ngày 14/11/2020 ông T hốt hụi, đến chiều ngày 19/12/2020 ông T vô tính tiền hốt 35 chân hụi với số tiền 313.850.000 đồng. Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 18/12/2020 bà Htrả tiền hụi cho ông T được 137.100.000 đồng, còn lại số tiền 176.850.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà Hchưa trả cho ông T số tiền nợ trên. Đến ngày 01/3/2021 thì bà Hcó trả cho ông T thêm 3.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 173.850.000 đồng. Nay bà Hđồng ý trả cho ông T số tiền hụi còn nợ là 173.850.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bà Htrình bày giữa bà và ông Tr. M.T có đăng ký kết hôn theo quy định và đến thời điểm hiện tại vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Việc bà Htham gia chơi hụi thì chồng bà Hlà ông Tr. M.T có biết nhưng bà Hkhông yêu cầu ông Thọ cùng bà trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S.D.D.V.T, buộc bị đơn bà Tr.T.H có trách nhiệm trả cho ông S.D.D.V.T số tiền nợ hụi là 173.850.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, ông S.D.D.V.T là hụi viên, yêu cầu bà Tr.T.H là chủ hụi phải thanh toán số tiền nợ hụi 173.850.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên là tranh chấp hợp đồng góp hụi, quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Tr. M.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Tr. M.T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng góp hụi của hai bên, mặc dù không được lập thành văn bản nhưng thực tế giữa nguyên đơn S.D.D.V.T với bị đơn Tr.T.H đã thoả thuận giao kết hợp đồng góp hụi đúng như lời trình bày của hai bên. Cụ thể là: Từ ngày 16/6/2020 đến ngày 19/12/2020 bị đơn Hoa làm chủ hụi, nguyên đơn Trí là hụi viên và đã góp tiền hụi của nguyên đơn Trí với số tiền chơi hụi: Tổng cộng là 313.950.000 đồng. Bà Htrả tiền hụi cho ông T được 137.100.000 đồng, còn lại số tiền 176.850.000 đồng, đến ngày 01/3/2021 thì bà Hcó làm tờ thoả thuận cam kết trả nợ và trả cho ông được 3.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 173.850.000 đồng. Đối với tình tiết sự kiện này, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Tr.T.H không có ý kiến phản đối và thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự khẳng định có việc góp hụi giữa nguyên đơn S.D.D.V.T với bị đơn Tr.T.H thực tế xảy ra đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng góp hụi hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do bị đơn Tr.T.H đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ giao hụi theo giao kết, vì vậy bị đơn Tr.T.H là người có lỗi nên phải chịu hậu quả pháp lý về hành vi vi phạm của mình.

Đối với ông Tr. M.T, mặc dù theo lời trình bày của bà Hthì việc chơi hụi giữa bà Hvà ông T thì ông Tr. M.T biết nhưng không có ý kiến gì. Nhưng ông T

và bà Hkhông đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh được việc ông Thọ có sử dụng chung với bà Hkhoảng tiền hụi mà bà Hthu về từ những người tham gia chơi hụi để phục vụ cho việc chi tiêu hằng ngày của gia đình. Đồng thời bà Hcũng không yêu cầu ông Tr. M.T phải có nghĩa vụ liên đới với mình để thanh toán số tiền nợ hụi cho ông T. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn S.D.D.V.T cũng không yêu cầu ông Thọ phải liên đới cùng bà Hthanh toán cho mình số tiền nợ hụi nêu trên nên Hội đồng xét xử xác định ông Tr. M.T không phải có nghĩa vụ liên đới với bà Tr.T.H trả lại số tiền nợ hụi mà bà Hđã góp của ông T.

Từ những phân tích nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S.D.D.V.T đối với bị đơn Tr.T.H là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bị đơn Tr.T.H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn S.D.D.V.T khoản tiền còn nợ là 173.850.000 đồng.

Xét lời trình bày của bị đơn Tr.T.H về hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền trả cho nguyên đơn mà yêu cầu được thanh toán số tiền còn nợ mỗi tháng là 3.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi bị đơn Tr.T.H có góp tiền của nguyên đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ giao hụi theo thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ giao hụi theo quy định tại Khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Đồng thời yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Tr.T.H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo đó, bị đơn Tr.T.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 173.850.000 đồng x5% = 8.692.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 143, Điều 144; Điều 146, Điều 147; điểm b Khoản 2

Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, d tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S.D.D.V.T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với bị đơn bà Tr.T.H.

Buộc bà Tr.T.H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông S.D.D.V.T số tiền còn nợ là 173.850.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Tr.T.H phải có nghĩa vụ nộp 8.692.500 đồng án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ông S.D.D.V.T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.421.000 đồng theo biên lai số 0007493 ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn